

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 39

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên	
Bà Đinh Thị Khởi	Thành viên	
Bà Hà Lan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Sơn.

Ông Bùi Hữu Hiền được Ông Lê Văn Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 008-2023/UQ-CDP-TCKT ngày 26 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13 báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 24 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12210159/66910138-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.896.703.733.744	1.873.063.115.582
110	I. Tiền	4	25.489.668.025	30.556.323.557
111	1. Tiền		25.489.668.025	30.556.323.557
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.011.974.326.240	1.105.452.328.329
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	934.237.775.085	1.015.628.750.820
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	27.039.709.627	36.160.747.433
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	63.713.360.855	66.679.349.403
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(13.016.519.327)	(13.016.519.327)
140	III. Hàng tồn kho	8	837.522.603.480	722.279.243.718
141	1. Hàng tồn kho		845.884.078.495	730.827.861.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.361.475.015)	(8.548.617.873)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		21.717.135.999	14.775.219.978
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.478.850.400	460.604.987
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		19.238.285.599	14.314.614.991
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		229.063.956.973	238.804.069.888
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.662.000.000	1.662.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.662.000.000	1.662.000.000
220	II. Tài sản cố định		180.037.028.752	184.623.113.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	97.799.268.594	101.019.787.275
222	Nguyên giá		186.517.126.734	184.176.127.088
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(88.717.858.140)	(83.156.339.813)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	82.237.760.158	83.603.326.672
228	Nguyên giá		96.960.987.845	97.552.144.019
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.723.227.687)	(13.948.817.347)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.651.167.728	1.732.602.698
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.651.167.728	1.732.602.698
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	43.822.322.086	49.580.289.512
251	1. Đầu tư vào công ty con		16.587.396.125	16.587.396.125
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.520.408.664	3.520.408.664
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.757.967.426)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		891.438.407	1.206.063.731
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	891.438.407	1.206.063.731
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.125.767.690.717	2.111.867.185.470

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.911.594.307.051	1.902.338.916.386
310	I. Nợ ngắn hạn		1.850.007.677.419	1.838.413.876.814
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.126.285.845.540	1.102.732.153.066
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	22.687.783.296	35.450.536.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.228.248.659	1.564.117.106
314	4. Phải trả người lao động		2.824.213.267	6.412.287.215
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.652.785.105	1.525.898.991
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.633.670.840	10.325.909.554
320	8. Vay ngắn hạn	18	687.240.191.480	678.980.237.269
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		405.295.303	1.373.093.026
330	II. Nợ dài hạn		61.586.629.632	63.925.039.572
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	30.000.000.000	30.000.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		273.041.632	297.863.572
338	3. Vay dài hạn	18	31.313.588.000	33.627.176.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		214.173.383.666	209.528.269.084
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	214.173.383.666	209.528.269.084
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.988.467.872	18.343.353.290
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		18.343.353.290	5.172.004.383
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		4.645.114.582	13.171.348.907
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.125.767.690.717	2.111.867.185.470



Ngô Anh Tuấn
Người lập



Ngô Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.372.791.286.550	1.370.754.852.408
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(13.792.856.523)	(27.602.161.768)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.358.998.430.027	1.343.152.690.640
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(1.262.847.400.483)	(1.252.589.190.908)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.151.029.544	90.563.499.732
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	20.898.461.714	13.987.238.352
22	7. Chi phí tài chính	23	(35.187.286.179)	(18.423.649.948)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(27.553.735.021)	(16.830.333.471)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(53.584.207.377)	(52.562.991.702)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(18.018.685.917)	(19.527.653.958)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.259.311.785	14.036.442.476
31	11. Thu nhập khác	24	81.608.821	106.524.564
32	12. Chi phí khác	24	(1.089.244.253)	(142.733.407)
40	13. Lỗ khác	24	(1.007.635.432)	(36.208.843)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.251.676.353	14.000.233.633
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(3.206.561.771)	(2.828.593.408)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.045.114.582	11.171.640.225

Ngô Anh Tuấn
Người lập

Ngô Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.251.676.353	14.000.233.633
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	7.114.216.618	6.823.040.526
03	Dự phòng		5.570.824.568	9.775.459.081
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.518.252.545	1.293.082.606
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		2.639.400	(23.774.651)
06	Chi phí lãi vay	23	27.553.735.021	16.830.333.471
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.011.344.505	48.698.374.666
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		88.531.509.542	(179.758.695.683)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(115.056.216.904)	50.023.116.347
11	Tăng các khoản phải trả		7.171.203.514	205.368.337.391
12	Tăng chi phí trả trước		(1.703.620.089)	(53.184.945)
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.131.932.709)	(16.930.318.297)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.494.143.433)	(2.410.681.921)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.367.797.723)	(4.128.977.982)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(2.039.653.297)	100.807.969.576
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.683.145.371)	(955.123.926)
27	Lãi tiền gửi nhận được		36.082.245	23.774.651
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.647.063.126)	(931.349.275)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.037.323.126.735	760.936.041.544
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(1.031.376.760.524)	(906.293.805.456)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(5.461.756.500)	(4.254.358.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		484.609.711	(149.612.122.412)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.202.106.712)	(49.735.502.111)
60	Tiền đầu kỳ		30.556.323.557	85.876.582.977
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		135.451.180	241.588.067
70	Tiền cuối kỳ	4	25.489.668.025	36.382.668.933



Ngô Anh Tuấn
Người lập



Ngô Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 440 (31 tháng 12 năm 2022: 438).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 24 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và các phương tiện vận tại đang hoàn thiện thủ tục pháp lý và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, giá mua và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng vào ngày 30 tháng 5 năm 2019 trong thời hạn 30 năm, kể từ ngày 2 tháng 1 năm 2016. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	944.871.173	1.544.121.882
Tiền gửi ngân hàng	24.544.796.852	29.012.201.675
TỔNG CỘNG	25.489.668.025	30.556.323.557

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ khách hàng	924.883.773.214	1.005.107.748.950
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	9.354.001.871	10.521.001.870
TỔNG CỘNG	934.237.775.085	1.015.628.750.820
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (<i>Thuyết minh số 7</i>)	(8.969.258.368)	(8.969.258.368)
GIÁ TRỊ THUẦN	925.268.516.717	1.006.659.492.452

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Piramal Pharma Ltd	6.601.516.992	-
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Y tế Thịnh Phát	4.713.170.162	7.952.960.157
Remedina S.A.	3.793.725.000	2.805.917.959
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	1.764.575.223	328.265.078
Bay Pharma Inc.	1.756.267.094	-
Công ty TNHH Bidivina	1.454.640.000	-
Ambica International Corporation	-	20.513.298.000
Khác	6.955.815.156	4.560.306.239
TỔNG CỘNG	27.039.709.627	36.160.747.433
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 7</i>)	(792.251.125)	(792.251.125)
GIÁ TRỊ THUẦN	26.247.458.502	35.368.496.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	63.713.360.855	66.679.349.403
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	27.464.534.415	26.892.253.058
Ký quỹ, ký cược	12.610.643.432	10.558.360.504
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	5.996.436.809	17.020.450.597
Tạm ứng cho nhân viên	1.911.341.872	1.062.918.212
Lãi phạt trả chậm	995.448.795	1.555.320.377
Khác	14.734.955.532	9.590.046.655
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	63.411.957.123	66.327.945.671
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	301.403.732	351.403.732
Dài hạn	1.662.000.000	1.662.000.000
Ký cược, ký quỹ	1.662.000.000	1.662.000.000
TỔNG CỘNG	65.375.360.855	68.341.349.403
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 7)	(3.255.009.834)	(3.255.009.834)
GIÁ TRỊ THUẦN	62.120.351.021	65.086.339.569

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. NỢ QUÁ HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị		Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.969.258.368	(8.969.258.368)	-	8.969.258.368	(8.969.258.368)	-
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-
Cửa hàng Dược phẩm Trung Ương 2	1.773.516.284	(1.773.516.284)	-	1.773.516.284	(1.773.516.284)	-
Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Olympic	200.000.000	(200.000.000)	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	792.251.125	(792.251.125)	-	792.251.125	(792.251.125)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y Tế Hoàng An	671.989.885	(671.989.885)	-	792.251.125	(792.251.125)	-
Các khách hàng khác	120.261.240	(120.261.240)	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	4.202.233.518	(3.255.009.834)	947.223.684	4.981.353.518	(3.255.009.834)	1.726.343.684
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.639.145.617	(1.901.721.933)	737.423.684	2.706.345.617	(1.894.441.932)	811.903.685
Bhargava Phytolab Pvt. Ltd.	747.087.901	(747.087.901)	-	1.409.007.901	(754.367.902)	654.639.999
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	(606.200.000)	209.800.000	866.000.000	(606.200.000)	259.800.000
TỔNG CỘNG	13.963.743.011	(13.016.519.327)	947.223.684	14.742.863.011	(13.016.519.327)	1.726.343.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. NỢ QUÁ HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	13.016.519.327	1.983.791.169
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	3.885.432.789
Số cuối kỳ	<u>13.016.519.327</u>	<u>5.869.223.958</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Hàng hóa	792.032.224.351	670.556.145.069
Hàng mua đang đi đường	53.851.854.144	60.271.716.522
TỔNG CỘNG	845.884.078.495	730.827.861.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.361.475.015)	(8.548.617.873)
GIÁ TRỊ THUẦN	837.522.603.480	722.279.243.718

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	8.548.617.873	3.914.608.506
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	5.896.757.497
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(187.142.858)	(6.731.205)
Số cuối kỳ	<u>8.361.475.015</u>	<u>9.804.634.798</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngắn hạn	2.478.850.400	460.604.987
Tiền thuê văn phòng trả trước	1.699.454.560	181.220.006
Công cụ, dụng cụ	779.395.840	279.384.981
Dài hạn	891.438.407	1.206.063.731
Chi phí bảo trì	891.438.407	1.206.063.731
TỔNG CỘNG	3.370.288.807	1.666.668.718

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quân lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	95.469.478.136	47.235.911.322	37.780.447.244	3.632.482.923	57.807.463	184.176.127.088
Mua mới trong kỳ	145.740.741	384.749.600	2.036.362.727	-	-	2.566.853.068
Thanh lý	-	-	-	(225.853.422)	-	(225.853.422)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	95.615.218.877	47.620.660.922	39.816.809.971	3.406.629.501	57.807.463	186.517.126.734
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	7.163.447.078	932.558.098	15.103.964.650	2.300.465.753	57.807.463	25.558.243.042
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	28.400.377.616	26.074.143.363	25.293.728.990	3.330.282.381	57.807.463	83.156.339.813
Khấu hao trong kỳ	2.175.877.056	2.347.512.610	1.159.612.690	65.647.748	-	5.748.650.104
Thanh lý	-	-	-	(187.131.777)	-	(187.131.777)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	30.576.254.672	28.421.655.973	26.453.341.680	3.208.798.352	57.807.463	88.717.858.140
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	67.069.100.520	21.161.767.959	12.486.718.254	302.200.542	-	101.019.787.275
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	65.038.964.205	19.199.004.949	13.363.468.291	197.831.149	-	97.799.268.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	95.082.437.845	2.469.706.174	97.552.144.019
Thanh lý	-	(591.156.174)	(591.156.174)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>95.082.437.845</u>	<u>1.878.550.000</u>	<u>96.960.987.845</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	558.677.536	-	558.677.536
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.519.582.846	1.429.234.501	13.948.817.347
Hao mòn trong kỳ	1.269.836.514	95.730.000	1.365.566.514
Thanh lý	-	(591.156.174)	(591.156.174)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>13.789.419.360</u>	<u>933.808.327</u>	<u>14.723.227.687</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>82.562.854.999</u>	<u>1.040.471.673</u>	<u>83.603.326.672</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>81.293.018.485</u>	<u>944.741.673</u>	<u>82.237.760.158</u>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	1.162.646.000	1.162.646.000
Phương tiện vận tải	530.000.000	-
Khác	958.521.728	569.956.698
TỔNG CỘNG	<u>2.651.167.728</u>	<u>1.732.602.698</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 13.1</i>)	16.587.396.125	16.587.396.125
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 13.2</i>)	3.520.408.664	3.520.408.664
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 13.3</i>)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	49.580.289.512	49.580.289.512
Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(5.757.967.426)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	43.822.322.086	49.580.289.512

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào	Sản xuất và phân phối thuốc	93,7	16.587.396.125	93,7	16.587.396.125

Chi tiết giá trị thuần khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị thuần (*)	Giá gốc	Giá trị thuần
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào	16.587.396.125	10.829.428.699	16.587.396.125	16.587.396.125

(*) Công ty đang trong quá trình đề xuất phương án hoạt động cho Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào. Giá trị thuần của khoản đầu tư vào công ty con được Công ty lập căn cứ theo Báo cáo đánh giá việc trích lập dự phòng Codupha-Lào số 959/2023/CDP ngày 20 tháng 8 năm 2023 với giá trị dự phòng trích lập là 5.757.967.426 VND.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư vào công ty con:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.757.967.426	-
Số cuối kỳ	5.757.967.426	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30	<u>3.520.408.664</u>	30	<u>3.520.408.664</u>

13.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	22.983.000.000	3,82	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	6.017.000.000	3,82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	17,20	472.484.723	17,20	472.484.723
TỔNG CỘNG			<u>29.472.484.723</u>		<u>29.472.484.723</u>

(*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

	VND	
	Số có khả năng trả nợ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	1.126.285.845.540	1.102.732.153.066
Phải trả các bên khác	1.125.110.193.289	1.101.227.845.162
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu</i>		
<i>Việt Nam</i>	493.517.434.935	368.591.503.681
<i>Khác</i>	631.592.758.354	732.636.341.481
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.175.652.251	1.504.307.904
Dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu		
Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.156.285.845.540	1.132.732.153.066

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Shandong Guoxin	7.453.268.812	4.439.703.784
Công ty TNHH Giáo dục Y khoa Nhật Bản (Việt Nam)	3.817.418.555	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm EMA	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thế Giới Mới	1.800.000.000	2.034.638.120
Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	871.074.599	7.419.523.377
Công ty TNHH Dược phẩm An Vượng	-	12.268.580.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Y dược Medimed	-	2.602.866.655
Khác	6.746.021.330	6.685.224.722
TỔNG CỘNG	22.687.783.296	35.450.536.658

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Số đã nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Phải trả	Phải trả
	Phải thu	Phải trả	Phải thu	Phải trả					
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	-	(65.679.051)	(71.329.988.912)	71.069.507.027	326.160.936	-	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	-	-	(20.427.564.213)	-	20.427.564.213	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	(1.692.809.638)	-	1.689.672.053	-	-	(3.137.585)	(3.137.585)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.424.916.943)	(3.206.561.771)	-	2.494.143.433	-	-	(2.137.335.281)	(2.137.335.281)
Thuế thu nhập cá nhân	-	(73.521.112)	(622.179.863)	-	607.925.182	-	-	(87.775.793)	(87.775.793)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	(4.091.789)	-	4.091.789	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	(15.477.727)	-	15.477.727	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	-	(1.564.117.106)	(97.298.673.913)	71.069.507.027	25.565.035.333	-	-	(2.228.248.659)	(2.228.248.659)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí lãi vay	1.374.155.105	952.352.793
Khác	278.630.000	573.546.198
TỔNG CỘNG	<u>1.652.785.105</u>	<u>1.525.898.991</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ký quỹ, ký cược	2.498.156.773	2.542.470.872
Nhận ủy thác nhập khẩu	189.105.000	36.300.287
Cổ tức phải trả	37.398.976	5.499.155.476
Khác	3.909.010.091	2.247.982.919
TỔNG CỘNG	<u>6.633.670.840</u>	<u>10.325.909.554</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	-	4.904.835.000
<i>Phải trả bên khác</i>	6.633.670.840	5.421.074.554

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022/ Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2023/ Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	678.980.237.269	1.037.323.126.735	(1.031.376.760.524)	2.313.588.000	687.240.191.480
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	674.141.564.371	1.036.204.669.452	(1.028.004.772.521)	-	682.341.461.302
Vay cá nhân	211.496.898	1.118.457.283	(1.058.400.003)	-	271.554.178
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2 và 18.3)	4.627.176.000	-	(2.313.588.000)	2.313.588.000	4.627.176.000
Vay dài hạn	33.627.176.000	-	-	(2.313.588.000)	31.313.588.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	4.627.176.000	-	-	(2.313.588.000)	2.313.588.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 18.3)	29.000.000.000	-	-	-	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	712.607.413.269	1.037.323.126.735	(1.031.376.760.524)	-	718.553.779.480

VND

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh 5 và 8)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	422.277.997.234 VND	Từ ngày 22 tháng 8 năm 2023 đến ngày 16 tháng 1 năm 2024	Từ 7,7 đến 8,5	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 275.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 210.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	253.305.939.574	Từ ngày 3 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 12 năm 2023	Từ 7,7 đến 8	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và bất động sản tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 13, địa chỉ 132A, Nguyễn Văn Cừ nổi dài (phường An Bình), phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	2.146.768.894	Ngày 12 tháng 11 năm 2023	7,7	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	3.958.204.061	Ngày 29 tháng 11 năm 2023	7,8	Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9 – Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị 62.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	652.551.539	Ngày 3 tháng 7 năm 2023	8	
TỔNG CỘNG	682.341.461.302			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu xây dựng nhà kho và thanh toán tiền thuê đất tại chi nhánh Cần Thơ. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	6.940.764.000	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2023 đến ngày 5 tháng 12 năm 2024	8,4	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	4.627.176.000			
Vay dài hạn	2.313.588.000			

18.3 Vay dài hạn khác

Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (Thuyết minh số 13.3). Chi tiết như sau:

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 13)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	29.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương
Trong đó:				
Vay dài hạn	29.000.000.000			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	18.744.570.446	209.929.486.240
Cổ tức	-	-	-	(12.746.160.000)	(12.746.160.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.171.640.225	11.171.640.225
Giảm khác	-	-	-	(826.406.063)	(826.406.063)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	16.343.644.608	207.528.560.402
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	18.343.353.290	209.528.269.084
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	6.045.114.582	6.045.114.582
Giảm khác	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	22.988.467.872	214.173.383.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vốn cổ phần đã góp		
Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>182.700.000.000</u>	<u>182.700.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	12.746.160.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	5.461.756.500	4.254.358.500

19.3 Cổ phiếu phổ thông

	Cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 Chi tiết vốn cổ phần

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u>	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Các cổ đông khác	34.700.000.000	19	42.269.500.000	23
	26.775.000.000	15	19.205.500.000	11
TỔNG CỘNG	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Tổng doanh thu	1.372.791.286.550	1.370.754.852.408
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.358.237.244.167	1.355.007.931.199
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.554.042.383	15.746.921.209
Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.792.856.523)	(27.602.161.768)
Hàng bán trả lại	(11.009.272.765)	(25.564.960.723)
Chiết khấu thương mại	(2.443.830.865)	(2.037.201.045)
Giảm giá hàng bán	(339.752.893)	-
DOANH THU THUẦN	1.358.998.430.027	1.343.152.690.640
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.344.444.387.644	1.327.405.769.431
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.554.042.383	15.746.921.209
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán cho bên khác</i>	1.358.998.430.027	1.343.152.690.640

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	8.658.240.595	6.212.185.800
Chiết khấu thanh toán được hưởng	6.368.070.428	3.316.691.741
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.836.068.446	4.434.586.160
Lãi tiền gửi ngân hàng	36.082.245	23.774.651
TỔNG CỘNG	20.898.461.714	13.987.238.352

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Giá vốn hàng bán	1.262.922.319.551	1.246.174.778.347
Giá vốn dịch vụ cung cấp	112.223.790	524.386.269
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(187.142.858)	5.890.026.292
TỔNG CỘNG	1.262.847.400.483	1.252.589.190.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng	53.584.207.377	52.562.991.702
Chi phí nhân công	31.093.219.622	28.897.980.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.339.843.831	7.355.868.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.249.646.121	6.112.508.453
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	821.413.317	1.603.979.902
Chi phí bán hàng khác	9.080.084.486	8.592.654.162
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.018.685.917	19.527.653.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.559.520.070	9.148.124.380
Chi phí nhân viên quản lý	1.752.000.000	2.032.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	806.567.639	710.532.073
Chi phí dụng cụ quản lý	236.695.229	96.791.779
Thuế, phí và lệ phí	29.729.431	57.473.954
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	3.885.432.789
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.634.173.548	3.597.298.983
TỔNG CỘNG	<u>71.602.893.294</u>	<u>72.090.645.660</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	27.553.735.021	16.830.333.471
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.757.967.426	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.875.583.732	1.593.316.477
TỔNG CỘNG	<u>35.187.286.179</u>	<u>18.423.649.948</u>

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thu nhập khác	81.608.821	106.524.564
Khác	81.608.821	106.524.564
Chi phí khác	(1.089.244.253)	(142.733.407)
Chi phí mua ngoài	(874.593.684)	-
Phạt vi phạm hành chính	(65.766.066)	(733.407)
Chi phí khác	(148.884.503)	(142.000.000)
LỖ KHÁC THUẦN	<u>(1.007.635.432)</u>	<u>(36.208.843)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí hàng hóa	1.262.735.176.693	1.252.064.804.639
Chi phí nhân viên	32.845.219.622	30.929.980.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.011.587.691	17.028.379.624
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.056.213.760	6.823.040.526
Khác	14.802.096.011	17.833.631.569
TỔNG CỘNG	<u>1.334.450.293.777</u>	<u>1.324.679.836.568</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3.206.561.771</u>	<u>2.828.593.408</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>9.251.676.353</u>	<u>14.000.233.633</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.850.335.271	2.800.046.727
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	1.151.593.485	-
Chi phí không được trừ	204.633.015	28.546.681
Chi phí thuế TNDN	<u>3.206.561.771</u>	<u>2.828.593.408</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cổ tức đã trả Cổ tức công bố	3.636.750.000 -	- 8.485.750.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức đã trả Mua hàng hóa Cổ tức công bố	1.268.085.000 165.468.496 -	2.958.865.000 230.517.440 2.958.865.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Mua hàng hóa	-	328.773.179
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	132.840.117	151.826.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha – Lào	Bán hàng hóa	9.354.001.871	10.521.001.870
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cho thuê kho	301.403.732	351.403.732
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	986.099.722	1.226.615.991
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	108.135.842	64.864.800
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	81.416.687	92.320.858
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Mua hàng hóa	-	120.506.255
TỔNG CỘNG		1.175.652.251	1.504.307.904
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cổ tức phải trả	-	3.636.750.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức phải trả	-	1.268.085.000
TỔNG CỘNG		-	4.904.835.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

		VND	
		<i>Thu nhập</i>	
<i>Chức vụ</i>		<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
		<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
		<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
		<i>năm 2023</i>	<i>năm 2022</i>
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	480.000.000	480.000.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	420.000.000	390.000.000
Bà Đinh Thị Khởi	Thành viên HĐQT	360.000.000	330.000.000
Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng BKS	210.000.000	210.000.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	12.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên BKS	12.000.000	22.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022	-	60.000.000
TỔNG CỘNG		<u>1.534.000.000</u>	<u>1.574.000.000</u>

28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê kho và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2023</i>	<i>năm 2022</i>
Dưới 1 năm	26.716.581.818	32.680.800.000
Từ 2 đến 5 năm	28.636.121.212	40.469.333.333
TỔNG CỘNG	<u>55.352.703.030</u>	<u>73.150.133.333</u>

Bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2023</i>	<i>năm 2022</i>
Đến 1 năm	<u>440.582.520</u>	<u>449.574.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	232.704	19.483
Euro (EUR)	1.203	1.218

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.




Ngô Anh Tuấn
Người lập

Ngô Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2023